



LISTENING CHALLENGE 24

CAM 18 – TEST 2 - PART 4 – Listening

PART 4 – Questions 31–40

Complete the notes below.

Write **ONE WORD ONLY** for each answer.

Pockets

Reason for choice of subject

- They are **31** but can be overlooked by consumers and designers.

Pockets in men's clothes

- Men started to wear **32** in the 18th century.
- A **33** sewed pockets into the lining of the garments.
- The wearer could use the pockets for small items.
- Bigger pockets might be made for men who belonged to a certain type of **34**

Pockets in women's clothes

- Women's pockets were less **35** than men's.
- Women were very concerned about pickpockets.
- Pockets were produced in pairs using **36** to link them together.
- Pockets hung from the women's **37** under skirts and petticoats.
- Items such as **38** could be reached through a gap in the material.
- Pockets, of various sizes, stayed inside clothing for many decades.
- When dresses changed shape, hidden pockets had a negative effect on the **39** of women.
- Bags called 'pouches' became popular, before women carried a **40**



ANSWER KEY

31. convenient
32. suits
33. tailor
34. profession
35. visible
36. string(s)
37. waist(s)
38. perfume
39. image
40. handbag

DỊCH SONG NGỮ TRANSCRIPT

ENGLISH	VIETNAMESE
Good morning. Now, we've been asked to choose an aspect of European clothing or fashion and to talk about its development over time.	Chào buổi sáng. Chúng tôi được yêu cầu chọn một khía cạnh của trang phục hoặc thời trang châu Âu và nói về sự phát triển của nó theo thời gian.
I decided to focus on a rather small area of clothing and that's pockets .	Tôi quyết định tập trung vào một khía cạnh khá nhỏ của trang phục, đó là túi áo .
I chose pockets for two reasons, really.	Thực ra tôi chọn túi áo vì hai lý do.
We all have them – in jeans, jackets, coats, for example – and even though we often can't carry bags or briefcases as well, nothing is quite as convenient as being able to pop your phone or credit card into your pocket. (Q31)	Chúng ta đều có túi – trên quần jean, áo khoác, áo choàng chẳng hạn – và dù nhiều khi không thể mang túi xách hay cặp, thì không gì tiện lợi bằng việc có thể cho điện thoại hay thẻ tín dụng vào túi áo. (Q31)
Yet, I suspect that, other than that, people don't really think about pockets too much and they're rather overlooked as a fashion item .	Tuy nhiên, tôi cho rằng ngoài điều đó ra, mọi người không thực sự nghĩ nhiều về túi áo và chúng thường bị xem nhẹ như một yếu tố thời trang .
It's certainly very interesting to go back in time and see how pockets developed for men and women.	Quả thực rất thú vị khi quay ngược thời gian và xem túi áo đã phát triển như thế nào đối với nam và nữ.
In the 18th century, fashions were quite different from the way they are now and pockets were too.	Vào thế kỷ 18, thời trang rất khác so với hiện nay, và túi áo cũng vậy.
If we think about male fashion first, that was the time when suits became popular. (Q32)	Nếu nghĩ về thời trang nam trước, thì đó là thời kỳ những bộ suit trở nên phổ biến. (Q32)

ENGLISH	VIETNAMESE
Trousers were knee-length and only referred to as 'breeches'; the waistcoats were short and the jackets were long,	Quần dài đến đầu gối và chỉ được gọi là "breeches"; áo ghi-lê thì ngắn còn áo khoác thì dài,
but all three garments were lined with material and pockets were sewn into this cloth by whichever tailor the customer used. (Q33)	nhưng cả ba loại trang phục đều được lót vải và túi áo được may vào lớp vải này bởi người thợ may mà khách hàng lựa chọn. (Q33)
The wearer could carry small objects such as pencils or coins on their person and reach them through a gap in the lining.	Người mặc có thể mang theo các vật nhỏ như bút chì hay tiền xu và lấy chúng qua một khe hở ở lớp lót.
Coat pockets became increasingly decorative on the outside for men who wanted to look more stylish,	Túi áo khoác ngày càng mang tính trang trí bên ngoài đối với những người đàn ông muốn trông thời trang hơn,
but they were often larger for the wearer was someone with a profession who needed to carry medical instruments. (Q34)	nhưng chúng thường lớn hơn nếu người mặc thuộc một nghề nghiệp cần mang theo dụng cụ y tế. (Q34)
The development of women's pockets was a little different.	Sự phát triển của túi áo dành cho phụ nữ thì có phần khác.
For one thing, they weren't nearly as visible. (Q35)	Thứ nhất, chúng không hề dễ nhìn thấy như túi của nam giới. (Q35)
In the 18th and 19th centuries, women carried numerous possessions on their person and some of these could be worth a lot of money.	Trong thế kỷ 18 và 19, phụ nữ mang theo rất nhiều đồ bên người và một số trong đó có giá trị lớn.
Women were more vulnerable to theft and wealthy women, in particular, worried constantly about pickpockets.	Phụ nữ dễ bị trộm cắp hơn, và đặc biệt là phụ nữ giàu có luôn lo lắng về móc túi.
So what they did was have a pair of pockets made that were tied together with string. (Q36)	Vì vậy, họ làm một cặp túi được buộc với nhau bằng dây. (Q36)
The pockets were made of fabric, which might be recycled cloth if the wearer had little money or something more expensive, such as linen, sometimes featuring very delicate embroidery.	Những chiếc túi này được làm từ vải – có thể là vải tái chế nếu người mặc ít tiền, hoặc là loại đắt tiền hơn như vải lanh, đôi khi còn có thêu rất tinh xảo.
Women tied the pockets around their waist so that they hung beneath their clothes. (Q37)	Phụ nữ buộc túi quanh eo để chúng treo bên dưới lớp quần áo. (Q37)
Remember, skirts were long then and there was plenty of room to hide a whole range of small possessions between the layers of petticoats that were commonly worn.	Hãy nhớ rằng váy thời đó rất dài và có nhiều không gian để giấu đủ loại đồ nhỏ giữa các lớp váy lót thường được mặc.
They would have an opening in the folds of their skirts through which they could reach whatever they needed, like their perfume. (Q38)	Họ có một khe hở trong các nếp váy để có thể với lấy bất cứ thứ gì cần, như nước hoa. (Q38)

ENGLISH	VIETNAMESE
Over time, women, of course, also needed to carry around items that they might use for whatever they were involved in,	Theo thời gian, phụ nữ tất nhiên cũng cần mang theo những vật dụng phục vụ cho các hoạt động của họ,
but their pairs of pockets still remained on the inside of their clothing – they just got bigger or longer, sometimes reaching down to their knees.	nhưng các cặp túi của họ vẫn nằm bên trong trang phục – chỉ là to hơn hoặc dài hơn, đôi khi dài đến đầu gối.
So the tie-on pockets went well into the 19th century and only changed when fashion altered towards the end of that period.	Vì vậy, túi buộc dây tồn tại suốt thế kỷ 19 và chỉ thay đổi khi thời trang chuyển hướng vào cuối thời kỳ đó.
That's when dresses became tighter and less bulky, and the pairs of pockets became very noticeable – they stood out too much and detracted from the desired look.	Đó là khi váy trở nên ôm sát và bớt cồng kềnh , khiến các cặp túi trở nên rất dễ thấy – chúng lộ rõ quá mức và làm giảm vẻ ngoài mong muốn.
Women who had been used to carrying around a range of personal possessions and still wanted to carry these items about their person,	Những phụ nữ vốn quen mang theo nhiều đồ cá nhân , và vẫn muốn mang chúng bên mình,
found that when small bags, or pouches as they were known, came into fashion,	nhận thấy rằng khi những chiếc túi nhỏ, hay còn gọi là pouches, trở nên thịnh hành,
they inevitably led on to the handbag of more modern times. (Q40)	chúng tất yếu dẫn đến sự ra đời của túi xách tay hiện đại. (Q40)

VOCABULARY LIST

Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
aspect of clothing	/ˈæspekt əv 'kleʊðɪŋ/	n	khía cạnh của trang phục	element of fashion	–
development over time	/dɪ'veləpmənt 'əʊvə taɪm/	n	sự phát triển theo thời gian	historical evolution	–
be overlooked	/bi: 'əʊvə'lʊkt/	v	bị xem nhẹ, bị bỏ qua	neglected	considered
convenient	/kən'vi:niənt/	adj	tiện lợi	handy	inconvenient
pop something into	/pɒp 'sʌmθɪŋ 'ɪntu:/	phr	cho nhanh vào	slip into	take out
fashion item	/ˈfæʃən 'aɪtəm/	n	món đồ thời trang	style piece	–
develop for men and women	/dɪ'veləp fə men ænd 'wɪmɪn/	phr	phát triển cho nam và nữ	evolve across genders	–
become popular	/bi'kʌm 'pɒpjələ/	phr	trở nên phổ biến	gain popularity	fall out of fashion
be lined with	/bi: laɪnd wɪð/	phr	được lót bằng	be padded with	–
be sewn into	/bi: səʊn 'ɪntu:/	phr	được may vào	be stitched into	–

Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
carry small objects	/ˈkæri smɔ:l ˈɒbdʒekts/	phr	mang theo vật nhỏ	keep items	–
increasingly decorative	/ɪnˈkriːsɪŋli ˈdekəreɪtɪv/	adj	ngày càng mang tính trang trí	ornamental	functional
look stylish	/lʊk ˈstaɪlɪʃ/	phr	trông thời trang	appear fashionable	look plain
belong to a profession	/bɪˈlɒŋ tuː ə prəˈfeʃən/	phr	thuộc một ngành nghề	work as	–
medical instruments	/ˈmedɪkəl ˈɪnstrʊmənts/	n	dụng cụ y tế	surgical tools	–
not nearly as visible	/nɒt ˈniəli æz ˈvɪzəbl/	phr	không hề dễ thấy	hardly noticeable	obvious
vulnerable to theft	/ˈvʌlnərəbl tuː θeft/	phr	dễ bị trộm cắp	at risk	protected
pickpockets	/ˈpɪkpɒkɪts/	n	kẻ móc túi	thieves	–
be tied together with	/biː taɪd təˈgeðə wɪð/	phr	được buộc lại với nhau bằng	be fastened with	–
recycled cloth	/ˌriːˈsaɪkəld klɒθ/	n	vải tái chế	reused fabric	–
delicate embroidery	/ˈdelɪkət ɪmˈbrɔɪdəri/	n	thêu tinh xảo	fine stitching	–
be tied around the waist	/biː taɪd əˈraʊnd ðə weɪst/	phr	buộc quanh eo	fasten at waist	–
hang beneath clothing	/hæŋ bɪˈniːθ ˈkləʊðɪŋ/	phr	treo bên dưới quần áo	hang under	–
layers of petticoats	/ˈleɪəz əv ˈpetɪkəʊts/	n	các lớp váy lót	underlayers	–
an opening in the folds	/ən ˈəʊpənɪŋ ɪn ðə fəʊldz/	n	khe hở trong các nếp	gap	–
reach whatever they needed	/riːtʃ wɒtˈevə ðeɪ ˈniːdɪd/	phr	với lấy thứ cần	access	–
remain inside clothing	/rɪˈmeɪn ɪnˈsaɪd ˈkləʊðɪŋ/	phr	vẫn nằm trong trang phục	stay hidden	–
alter towards	/ˈɔːltə təˈwɔːdz/	phr	chuyển hướng sang	shift towards	–
tighter and less bulky	/ˈtaɪtə ænd les ˈbʌlki/	adj	ôm sát và bớt cồng kềnh	streamlined	bulky
stand out too much	/stænd aʊt tuː mʌtʃ/	phr	quá nổi bật	be conspicuous	blend in
detract from the desired look	/dɪˈtrækt frəm ðə dɪˈzaɪəd lʊk/	phr	làm giảm vẻ ngoài mong muốn	undermine appearance	enhance



Word / Phrase	IPA	POS	Meaning (VN)	Synonym	Antonym
personal possessions	/ˈpɜːsənl pəˈzefənz/	n	đồ dùng cá nhân	belongings	–
come into fashion	/kʌm ˈɪntuː ˈfæʃən/	phr	trở nên thịnh hành	become trendy	go out of fashion
inevitably lead on to	/ɪnˈevɪtəbli liːd ɒn tuː/	phr	tất yếu dẫn đến	result in	prevent

